

THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP HUẤN LUYỆN THỂ THAO CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT CHUYÊN NGÀNH ĐIỀN KINH NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Thu Hương⁽¹⁾; Lê Trí Trường⁽¹⁾
Vũ Quỳnh Như⁽¹⁾; Nguyễn Như Trung⁽²⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 08/06/2026

Ngày phản biện: 17/07/2026

Ngày đăng: 31/08/2026

Tác giả liên hệ:

Nguyễn Thu Hương

Email:

nguyenthuhuong211202@gmail.com

Tập 16, số 4 (2026), trang 56-63

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14128>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt: Bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy, nghiên cứu đã xác định được 25 tiêu chí thuộc 5 nhóm: Kiến thức chuyên môn; Kỹ năng thực hành kỹ thuật; Năng lực vận dụng phương pháp giảng dạy và huấn luyện; Năng lực tổ chức thi đấu và trọng tài và Thái độ học tập, ý thức rèn luyện và phẩm chất nghề nghiệp để đánh giá hiệu quả học tập môn học Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Điền kinh, ngành Huấn luyện thể thao theo thang đo Likert 5 mức. Kết quả cho thấy, sinh viên đạt mức Khá ở các nhóm tiêu chí về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành kỹ thuật và thái độ học tập, ý thức rèn luyện; tuy nhiên, năng lực vận dụng phương pháp giảng dạy – huấn luyện và năng lực tổ chức thi đấu – trọng tài mới đạt mức Trung bình.

Từ khóa: Hiệu quả học tập, Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao, chuyên ngành Điền kinh.

Current status of first-year students' learning effectiveness in the theory and methodology of sports training course of the Athletics-Sports Coaching program Bacninh Sports University

Nguyen Thu Huong⁽¹⁾; Le Tri Truong⁽¹⁾
Vu Quynh Nhu⁽¹⁾; Nguyen Nhu Trung⁽²⁾

Article Information:

Received: 08/06/2026

Review date: 17/07/2026

Published: 31/08/2026

Corresponding Author:

Nguyen Thu Huong

Email:

nguyenthuhuong211202@gmail.com

Vol 16, Issue 4 (2026), pp 56-63

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14128>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Abstract: Using regular scientific research methods, the study identified 25 criteria across 5 groups: professional knowledge; technical practical skills; competency in applying teaching and coaching methods; competency in organizing competitions and officiating; and learning attitudes, training awareness, and professional qualities. The criteria were used to assess the first-year students' learning effectiveness in the Theory and Methodology of Sports Training course of the Athletics-Sports Coaching program based on a 5-point Likert scale. The results showed that students achieved a Good level in the criteria groups related to professional knowledge, technical practical skills, and learning attitudes and training awareness. However, their competency in applying teaching and coaching methods and their competency in competition organization and officiating only reached an Average level.

Keywords: Learning effectiveness, theory and methodology of sports training, Athletics major.

⁽¹⁾TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

⁽²⁾ThS, Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chương trình đào tạo chuyên ngành Điện kinh (ĐK), ngành Huấn luyện thể thao (HLTT), môn học Lý luận và phương pháp huấn luyện thể thao (LL&PPHLTT) giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành nền tảng kiến thức, kỹ năng thực hành và năng lực nghề nghiệp ban đầu cho sinh viên. Đây là môn học gồm 02 học phần được thiết kế giảng dạy trong năm thứ nhất, có tính tích hợp giữa lý luận và thực hành, vừa trang bị cho sinh viên kiến thức về nguyên lý kỹ thuật động tác, luật thi đấu, phương pháp tổ chức trọng tài, vừa rèn luyện kỹ năng thực hành, hướng dẫn, giảng dạy, huấn luyện và tổ chức thi đấu các nội dung chạy cự ly trung bình, chạy ngắn, chạy tiếp sức.

Đối với sinh viên năm thứ nhất, hiệu quả học tập các học phần không chỉ thể hiện ở kết quả điểm số mà còn phản ánh mức độ đáp ứng mục tiêu, mức độ đạt được chuẩn đầu ra của từng học phần gồm: mức độ tiếp thu kiến thức, khả năng vận dụng lý luận vào thực hành, hình thành kỹ năng chuyên môn, thái độ học tập, ý thức tự rèn luyện và bước đầu phát triển năng lực nghề nghiệp. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng hiệu quả học tập môn học có ý nghĩa quan trọng, giúp nhận diện những mặt đạt được, những hạn chế và các yếu tố ảnh hưởng, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành ĐK, ngành HLTT.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phỏng vấn tọa đàm và Toán học thống kê.

Phiếu phỏng vấn được xây dựng theo thang đo Likert 5 mức: Tốt, Khá, Trung bình, Yếu, Kém, tương ứng với điểm quy đổi từ 5 đến 1 điểm. Điểm trung bình được phân loại như sau: từ 4,20 đến 5,00 là tốt; từ 3,40 đến 4,19 là khá; từ 2,60 đến 3,39 là trung bình; từ 1,80 đến 2,59 là yếu; dưới 1,80 là kém.

Đối tượng phỏng vấn gồm: 39 sinh viên khóa Đại học 60 chuyên ngành ĐK, ngành HLTT và 08 giảng viên trực tiếp giảng dạy các học phần LL&PPHLTT cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành ĐK, ngành HLTT.

Thời điểm phỏng vấn: tháng 6/2025.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Lựa chọn tiêu chí đánh giá hiệu quả học tập môn học LL&PPHLTT của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành ĐK, ngành HLTT

Trên cơ sở mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra, ma trận liên kết chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo ngành HLTT, phương pháp và nội dung kiểm tra đánh giá, đặc điểm của môn Điện kinh, nghiên cứu đã xác định được 5 nhóm với 25 tiêu chí đánh giá hiệu quả học tập môn học LL&PPHLTT. Các nhóm tiêu chí gồm: mức độ đạt được về kiến thức chuyên môn; mức độ đạt được về kỹ năng thực hành kỹ thuật; năng lực vận dụng phương pháp giảng dạy và huấn luyện; năng lực tổ chức thi đấu và trọng tài; thái độ học tập, ý thức rèn luyện và phẩm chất nghề nghiệp.

Kết quả phỏng vấn 30 chuyên gia cho thấy tất cả 25 tiêu chí đều được đánh giá ở mức phù hợp cao. Tỷ lệ chuyên gia lựa chọn mức “rất phù hợp” và “phù hợp” đối với các tiêu chí đều đạt từ 90% trở lên; không có tiêu chí nào bị đánh giá ở mức “không phù hợp” hoặc “rất không phù hợp”. Điều này cho thấy hệ thống tiêu chí có đủ cơ sở để sử dụng trong đánh giá thực trạng hiệu quả học tập học phần.

2. Thực trạng hiệu quả học tập môn học LL&PPHLTT của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành ĐK, ngành HLTT

Trên cơ sở 25 tiêu chí đã lựa chọn được, để đảm bảo khách quan, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 39 sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành ĐK, ngành HLTT, khóa Đại học 60 vừa kết thúc 02 học phần và 08 giảng viên trực tiếp giảng dạy. Kết quả trình bày tại bảng 1 và 2.

Kết quả tự đánh giá của 39 sinh viên cho thấy, hiệu quả học tập đạt được tương đối tích cực. Trong 5 nhóm tiêu chí, có 3 nhóm đạt mức khá, gồm: kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành kỹ thuật và thái độ học tập, ý thức rèn luyện, phẩm chất nghề nghiệp. Hai nhóm còn lại chỉ đạt mức trung bình. Cụ thể:

Nhóm tiêu chí phản ánh thái độ học tập, ý thức rèn luyện và phẩm chất nghề nghiệp đạt điểm trung bình cao nhất, với 3,81 điểm. Trong đó, tiêu chí có kết quả nổi bật là tuân thủ quy

định về an toàn, kỷ luật, trang phục và tác phong học tập, đạt 4,05 điểm; tiếp đến là tham gia đầy đủ, nghiêm túc các giờ học lý thuyết và thực hành, đạt 3,95 điểm. Điều này cho thấy sinh viên có thái độ học tập tương đối tốt, chấp hành quy định học tập và có ý thức kỷ luật phù hợp với đặc thù học phần thực hành.

Nhóm kỹ năng thực hành kỹ thuật đạt 3,73 điểm, xếp loại Khá. Sinh viên thực hiện tốt hơn ở kỹ thuật chạy cự ly ngắn, với điểm trung bình 3,87; tiếp đến là kỹ thuật chạy cự ly trung bình và sự tiến bộ về kỹ thuật sau quá trình học tập. Tuy nhiên, khả năng phối hợp các yếu tố kỹ thuật trong thực hành toàn bộ động tác đạt thấp hơn trong nhóm, với 3,54 điểm. Điều này cho thấy sinh viên đã bước đầu thực hiện được các giai đoạn kỹ thuật cơ bản, nhưng kỹ thuật tổng hợp và sự ổn định khi thực hiện toàn bộ động tác còn cần được tiếp tục củng cố.

Nhóm kiến thức chuyên môn đạt 3,56 điểm, xếp loại Khá. Sinh viên tiếp thu tương đối tốt các nội dung về nguyên lý kỹ thuật chạy trung bình, chạy ngắn và chạy tiếp sức. Tuy nhiên, các tiêu chí về luật thi đấu, phương pháp trọng tài và vận dụng kiến thức lý luận để phân tích cấu trúc kỹ thuật, lỗi kỹ thuật, yêu cầu tập luyện có điểm thấp hơn. Điều này phản ánh sinh viên còn hạn chế trong việc chuyển hóa kiến thức lý thuyết thành năng lực phân tích và giải quyết tình huống chuyên môn.

Đáng chú ý, hai nhóm năng lực vận dụng phương pháp giảng dạy – huấn luyện và năng lực tổ chức thi đấu – trọng tài chỉ đạt mức Trung bình, lần lượt là 3,32 và 3,30 điểm. Đây là những nhóm tiêu chí phản ánh năng lực nghề nghiệp ban đầu của sinh viên. Kết quả này cho thấy sinh viên còn gặp khó khăn khi lựa chọn bài tập bổ trợ, biên soạn giáo án, hướng dẫn nhóm nhỏ, phát hiện và sửa chữa sai lầm kỹ thuật; đồng thời còn hạn chế trong tổ chức thi đấu, thực hiện nhiệm vụ trọng tài và xử lý tình huống vi phạm luật.

Tiếp đến, chúng tôi tìm hiểu thực trạng hiệu quả học tập của sinh viên thông qua đánh giá của giảng viên Bộ môn Điền kinh – Cử tạ. Kết quả trình bày tại bảng 2.

Kết quả đánh giá của các giảng viên có xu

hướng tương đồng với kết quả tự đánh giá của sinh viên. Theo đó, 3 nhóm tiêu chí đạt mức Khá cũng gồm: kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành kỹ thuật và thái độ học tập, ý thức rèn luyện, phẩm chất nghề nghiệp; 2 nhóm tiêu chí đạt mức Trung bình là năng lực vận dụng phương pháp giảng dạy – huấn luyện và năng lực tổ chức thi đấu – trọng tài.

Theo đánh giá của giảng viên, nhóm thái độ học tập, ý thức rèn luyện và phẩm chất nghề nghiệp cũng có điểm trung bình cao nhất, đạt 3,75 điểm. Điều này cho thấy giảng viên ghi nhận sinh viên có ý thức học tập, kỷ luật, tác phong và tinh thần hợp tác tương đối tốt. Nhóm kỹ năng thực hành kỹ thuật đạt 3,70 điểm, phản ánh sinh viên đã hình thành được kỹ năng thực hành cơ bản trong các nội dung chạy.

Tuy nhiên, nhóm năng lực vận dụng phương pháp giảng dạy và huấn luyện chỉ đạt 3,18 điểm. Các tiêu chí tập trung vào biên soạn giáo án, phát hiện sai lầm kỹ thuật và lựa chọn biện pháp sửa chữa sai lầm. Điều này cho thấy sinh viên năm thứ nhất mới đạt mức ban đầu trong việc vận dụng kiến thức vào hoạt động giảng dạy – huấn luyện.

Tương tự, nhóm năng lực tổ chức thi đấu và trọng tài cũng đạt 3,18 điểm. Trong nhóm này, tiêu chí xử lý tình huống vi phạm luật cơ bản trong thi đấu đạt thấp nhất, với 3,00 điểm. Đây là dấu hiệu cho thấy sinh viên còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn trong tổ chức thi đấu, điều hành nội dung chạy, ghi nhận thành tích và xử lý tình huống trọng tài.

Để có cái nhìn khách quan về hiệu quả học tập, chúng tôi tiếp tục phân tích thực trạng kết quả học tập môn học LL&PPHLTT của sinh viên năm thứ nhất trên cơ sở tổng hợp và phân tích điểm trung bình các học phần ở kỳ I và kỳ II. Đồng thời so sánh thống kê kết quả của 3 năm liên tục: từ khóa 58 đến khóa 59, trong đó khóa 58 có 3 sinh viên; khóa 59 có 13 sinh viên và khóa 60 có 39 sinh viên. Kết quả được trình bày tại bảng 3.

Kết quả cho thấy, khóa ĐH58 đạt kết quả cao ở cả hai học kỳ, nhưng do số lượng sinh viên ít nên chưa đảm bảo độ tin cậy để kết luận. Khóa ĐH59 có kết quả ổn định nhất, tỷ lệ sinh viên

Bảng 1. Thực trạng hiệu quả học tập môn học LL&PPHLT của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành ĐK, ngành HLT theo kết quả phỏng vấn tự đánh giá (n=39)

TT	Tiêu chí	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		Tổng điểm	Điểm TB	Mức đánh giá
		m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm			
TC1. Mức độ đạt được về kiến thức chuyên môn														
1	TC1.1. Hiểu và phân tích được nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly trung bình	4	20	17	68	18	54	0	0	0	0	142	3.64	Khá
2	TC1.2. Hiểu và phân tích được nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly ngắn	6	30	16	64	17	51	0	0	0	0	145	3.72	Khá
3	TC1.3. Hiểu và phân tích được nguyên lý kỹ thuật chạy tiếp sức	2	10	18	72	19	57	0	0	0	0	139	3.56	Khá
4	TC1.4. Nắm được luật thi đấu và phương pháp tổ chức trọng tài các nội dung chạy trung bình, chạy ngắn, chạy tiếp sức	0	0	19	76	20	60	0	0	0	0	136	3.49	Khá
5	TC1.5. Biết vận dụng kiến thức lý luận để phân tích cấu trúc kỹ thuật, lỗi kỹ thuật và yêu cầu tập luyện	0	0	16	64	23	69	0	0	0	0	133	3.41	Khá
Trung bình chung												139.00	3.56	Khá
TC2. Mức độ đạt được về kỹ năng thực hành kỹ thuật														
6	TC2.1. Thực hiện được các giai đoạn kỹ thuật chạy cự ly trung bình	8	40	15	60	16	48	0	0	0	0	148	3.79	Khá
7	TC2.2. Thực hiện được các giai đoạn kỹ thuật chạy cự ly ngắn	10	50	14	56	15	45	0	0	0	0	151	3.87	Khá
8	TC2.3. Thực hiện được kỹ thuật trao – nhận gậy trong chạy tiếp sức	5	25	17	68	17	51	0	0	0	0	144	3.69	Khá
9	TC2.4. Biết phối hợp các yếu tố kỹ thuật trong thực hành toàn bộ động tác	1	5	19	76	19	57	0	0	0	0	138	3.54	Khá
10	TC2.5. Có sự tiến bộ về kỹ thuật sau quá trình học tập	6	30	17	68	16	48	0	0	0	0	146	3.74	Khá
Trung bình chung												145.40	3.73	Khá
TC3. Năng lực vận dụng phương pháp giảng dạy và huấn luyện														
11	TC3.1. Biết lựa chọn và sử dụng bài tập bổ trợ, dẫn dắt phù hợp với từng giai đoạn kỹ thuật	0	0	15	60	24	72	0	0	0	0	132	3.38	Trung bình
12	TC3.2. Biết biên soạn giáo án/kế hoạch giảng dạy kỹ thuật chạy trung bình, chạy ngắn, chạy tiếp sức	0	0	11	44	28	84	0	0	0	0	128	3.28	Trung bình

TT	Tiêu chí	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		Tổng điểm	Điểm TB	Mức đánh giá
		m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm			
13	TC3.3. Biết hướng dẫn, thi phạm và tổ chức tập luyện theo nhóm nhỏ	0	0	14	56	25	75	0	0	0	0	131	3.36	Trung bình
14	TC3.4. Biết phát hiện các sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật	0	0	13	52	26	78	0	0	0	0	130	3.33	Trung bình
15	TC3.5. Biết lựa chọn biện pháp sửa chữa sai lầm kỹ thuật phù hợp	0	0	10	40	29	87	0	0	0	0	127	3.26	Trung bình
Trung bình chung												129.60	3.32	Trung bình
TC4. Mức độ đạt được về năng lực tổ chức thi đấu và trọng tài														
16	TC4.1. Nắm được quy trình tổ chức thi đấu các nội dung chạy trung bình, chạy ngắn, chạy tiếp sức	0	0	13	52	26	78	0	0	0	0	130	3.33	Trung bình
17	TC4.2. Biết thực hiện một số nhiệm vụ trọng tài cơ bản trong các nội dung chạy	0	0	10	40	29	87	0	0	0	0	127	3.26	Trung bình
18	TC4.3. Biết ghi nhận thành tích, sắp xếp lượt chạy và hỗ trợ điều hành thi đấu	0	0	12	48	27	81	0	0	0	0	129	3.31	Trung bình
19	TC4.4. Biết xử lý một số tình huống vi phạm luật cơ bản trong thi đấu	0	0	7	28	32	96	0	0	0	0	124	3.18	Trung bình
20	TC4.5. Có khả năng phối hợp nhóm trong tổ chức hoạt động thi đấu nhỏ	0	0	17	68	22	66	0	0	0	0	134	3.44	Khá
Trung bình chung												128.80	3.30	Trung bình
TC5. Mức độ đạt được về thái độ học tập, ý thức rèn luyện và phẩm chất nghề nghiệp														
21	TC5.1. Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các giờ học lý thuyết và thực hành	12	60	13	52	14	42	0	0	0	0	154	3.95	Khá
22	TC5.2. Có ý thức chuẩn bị bài, tự học, tự rèn luyện ngoài giờ	2	10	19	76	18	54	0	0	0	0	140	3.59	Khá
23	TC5.3. Tích cực tham gia thảo luận, làm mẫu, thực hành và hỗ trợ bạn học	4	20	18	72	17	51	0	0	0	0	143	3.67	Khá
24	TC5.4. Tuân thủ quy định về an toàn, kỷ luật, trang phục và tác phong học tập	14	70	13	52	12	36	0	0	0	0	158	4.05	Khá
25	TC5.5. Có tinh thần trách nhiệm, hợp tác nhóm trong chạy tiếp sức và tổ chức thi đấu	7	35	16	64	16	48	0	0	0	0	147	3.77	Khá
Trung bình chung												148.40	3.81	Khá

Bảng 2. Thực trạng hiệu quả học tập môn học LL&PPHLT của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Điền kinh, ngành Huấn luyện thể thao theo đánh giá của giảng viên (n=8)

TT	Tiêu chí	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		Tổng điểm TB	Mức đánh giá	
		m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm			
TC1. Mức độ đạt được về kiến thức chuyên môn														
1	TC1.1. Hiểu và phân tích được nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly trung bình	1	5	3	12	4	12	0	0	0	0	29	3.63	Khá
2	TC1.2. Hiểu và phân tích được nguyên lý kỹ thuật chạy cự ly ngắn	1	5	4	16	3	9	0	0	0	0	30	3.75	Khá
3	TC1.3. Hiểu và phân tích được nguyên lý kỹ thuật chạy tiếp sức	0	0	4	16	4	12	0	0	0	0	28	3.50	Khá
4	TC1.4. Nắm được luật thi đấu và phương pháp tổ chức trọng tài các nội dung chạy trung bình, chạy ngắn, chạy tiếp sức	0	0	3	12	5	15	0	0	0	0	27	3.38	Trung bình
5	TC1.5. Biết vận dụng kiến thức lý luận để phân tích cấu trúc kỹ thuật, lỗi kỹ thuật và yêu cầu tập luyện	0	0	2	8	6	18	0	0	0	0	26	3.25	Trung bình
Trung bình chung												28.00	3.50	Khá
TC2. Mức độ đạt được về kỹ năng thực hành kỹ thuật														
6	TC2.1. Thực hiện được các giai đoạn kỹ thuật chạy cự ly trung bình	1	5	4	16	3	9	0	0	0	0	30	3.75	Khá
7	TC2.2. Thực hiện được các giai đoạn kỹ thuật chạy cự ly ngắn	2	10	3	12	3	9	0	0	0	0	31	3.88	Khá
8	TC2.3. Thực hiện được kỹ thuật trao – nhận gậy trong chạy tiếp sức	1	5	3	12	4	12	0	0	0	0	29	3.63	Khá
9	TC2.4. Biết phối hợp các yếu tố kỹ thuật trong thực hành toàn bộ động tác	0	0	4	16	4	12	0	0	0	0	28	3.50	Khá
10	TC2.5. Có sự tiến bộ về kỹ thuật sau quá trình học tập	1	5	4	16	3	9	0	0	0	0	30	3.75	Khá
Trung bình chung												29.60	3.70	Khá
TC3. Năng lực vận dụng phương pháp giảng dạy và huấn luyện														
11	TC3.1. Biết lựa chọn và sử dụng bài tập bổ trợ, dẫn dắt phù hợp với từng giai đoạn kỹ thuật	0	0	2	8	6	18	0	0	0	0	26	3.25	Trung bình
12	TC3.2. Biết biên soạn giáo án hoặc kế hoạch giảng dạy kỹ thuật chạy trung bình, chạy ngắn, chạy tiếp sức	0	0	1	4	7	21	0	0	0	0	25	3.13	Trung bình

TT	Tiêu chí	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		Tổng điểm TB	Mức đánh giá
		m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm	m _i	Điểm		
13	TC3.3. Biết hướng dẫn, thị phạm và tổ chức tập luyện theo nhóm nhỏ	0	0	2	8	6	18	0	0	0	0	26	Trung bình
14	TC3.4. Biết phát hiện các sai lầm thường mắc trong học kỹ thuật	0	0	1	4	7	21	0	0	0	0	25	Trung bình
15	TC3.5. Biết lựa chọn biện pháp sửa chữa sai lầm kỹ thuật phù hợp	0	0	1	4	7	21	0	0	0	0	25	Trung bình
Trung bình chung												25.40	3.18
TC4. Mức độ đạt được về năng lực tổ chức thi đấu và trọng tài													
16	TC4.1. Nắm được quy trình tổ chức thi đấu các nội dung chạy trung bình, chạy ngắn, chạy tiếp sức	0	0	2	8	6	18	0	0	0	0	26	Trung bình
17	TC4.2. Biết thực hiện một số nhiệm vụ trọng tài cơ bản trong các nội dung chạy	0	0	1	4	7	21	0	0	0	0	25	Trung bình
18	TC4.3. Biết ghi nhận thành tích, sắp xếp lượt chạy và hỗ trợ điều hành thi đấu	0	0	1	4	7	21	0	0	0	0	25	Trung bình
19	TC4.4. Biết xử lý một số tình huống vi phạm luật cơ bản trong thi đấu	0	0	0	0	8	24	0	0	0	0	24	Trung bình
20	TC4.5. Có khả năng phối hợp nhóm trong tổ chức hoạt động thi đấu nhỏ	0	0	3	12	5	15	0	0	0	0	27	Trung bình
Trung bình chung												25.40	3.18
TC5. Mức độ đạt được về thái độ học tập, ý thức rèn luyện và phẩm chất nghề nghiệp													
21	TC5.1. Tham gia đầy đủ, nghiêm túc các giờ học lý thuyết và thực hành	2	10	3	12	3	9	0	0	0	0	31	Khá
22	TC5.2. Có ý thức chuẩn bị bài, tự học, tự rèn luyện ngoài giờ	0	0	4	16	4	12	0	0	0	0	28	Khá
23	TC5.3. Tích cực tham gia thảo luận, làm mẫu, thực hành và hỗ trợ bạn học	1	5	3	12	4	12	0	0	0	0	29	Khá
24	TC5.4. Tuân thủ quy định về an toàn, kỷ luật, trang phục và tác phong học tập	3	15	2	8	3	9	0	0	0	0	32	Khá
25	TC5.5. Có tinh thần trách nhiệm, hợp tác nhóm trong chạy tiếp sức và tổ chức thi đấu	1	5	4	16	3	9	0	0	0	0	30	Khá
Trung bình chung												30.00	3.75
													Khá

Bảng 3. So sánh thống kê kết quả học tập môn học LL&PPHLTT của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành ĐK các khóa ĐH 58, 59, 60 ngành HLTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=55)

Khóa ĐH	Học kỳ	n	Điểm TB	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Kém		KĐĐK	
				mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%	mi	%
ĐH 58	Học kỳ I	3	10.00	3	100.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00
	Học kỳ II	3	8.43	2	66.67	1	33.33	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00
ĐH 59	Học kỳ I	13	9.01	12	92.31	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	7.69
	Học kỳ II	13	9.00	12	92.31	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	1	7.69
ĐH 60	Học kỳ I	39	9.19	33	84.62	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	6	15.38
	Học kỳ II	39	6.92	22	56.41	5	12.82	3	7.69	1	2.56	0	0.00	8	20.51
So sánh	Học kỳ I	$\chi^2 = 0.982; p \geq 0.05$													
	Học kỳ II	$\chi^2 = 7.991; p \geq 0.05$													

đạt loại giỏi ở cả hai học phần đều là 92,31%, điểm trung bình gần như không thay đổi. Khóa ĐH60 có số lượng sinh viên đông nhất và cũng là khóa có sự phân hóa rõ nhất, đặc biệt ở học phần II, khi tỷ lệ Giỏi giảm còn 56,41%, tỷ lệ không đủ điều kiện dự thi tăng lên 20,51%, đồng thời xuất hiện các mức khá, trung bình và yếu.

Kết quả kiểm định χ^2 cho thấy sự khác biệt giữa ba khóa ở học kỳ I không có ý nghĩa thống kê với $\chi^2 = 0,982; p \geq 0,05$. Ở học kỳ II, mặc dù kết quả mô tả cho thấy ĐH60 có xu hướng thấp hơn và phân hóa rõ hơn, nhưng kiểm định cũng cho thấy sự khác biệt giữa ba khóa không có ý nghĩa thống kê với $\chi^2 = 7,991; p \geq 0,05$. Như vậy, kết quả học tập qua ba thời điểm triển khai giảng dạy có sự dao động nhất định, nhưng chưa đủ căn cứ để khẳng định có sự khác biệt rõ rệt về mặt thống kê.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã lựa chọn được 5 nhóm với 25 tiêu chí đánh giá hiệu quả học tập môn học LL&PPHLTT của sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành ĐK, ngành HLTT. Các tiêu chí đều được chuyên gia đánh giá ở mức phù hợp cao, có thể sử dụng trong đánh giá thực trạng học tập môn học.

Kết quả khảo sát sinh viên và giảng viên cho thấy hiệu quả học tập môn học đạt mức khá ở 03 nhóm tiêu chí về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành kỹ thuật và thái độ học tập, ý thức rèn luyện. Tuy nhiên, năng lực vận dụng phương pháp giảng dạy – huấn luyện và năng lực tổ chức thi đấu – trọng tài chỉ đạt mức trung bình. Đây là những hạn chế cần tập trung khắc phục trong quá trình tổ chức dạy học.

Kết quả học tập qua ba khóa ĐH58, ĐH59 và ĐH60 cho thấy học kỳ I có kết quả cao và tương đối ổn định, trong khi học kỳ II có sự phân hóa rõ hơn, nhất là ở khóa ĐH60. Tuy nhiên, không có sự khác biệt thống kê giữa ba khóa ở cả hai học kỳ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2024), *Chương trình đào tạo ngành Huấn luyện thể thao*.
2. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (2024), *Chuẩn đầu ra ngành Huấn luyện thể thao*.
3. IAAF (2010), *Lý luận và phương pháp huấn luyện Điền kinh*, bản dịch tiếng Việt, Nxb TDTT, Hà Nội.
4. Nguyễn Đại Dương (2016), *Giáo trình Điền kinh*, Nxb TDTT, Hà Nội.